TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10/02/2022
"*V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lại Thiện Phong**

2/ Ông **Danh On**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông **Dương Minh Kha** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 193/2021/TLST–HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị O**, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: Ông **Võ Văn V**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị O trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 1997 bà O và ông V được hai bên gia đình tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện và chung sống với nhau cho đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới vợ chồng cũng có cự cãi nhưng nhìn chung cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc. Nhưng cách nay khoảng 10 năm (khoảng năm 2010) thì giữa vợ chồng bà O, ông V xảy ra mâu thuẫn về chuyện tiền bạc trong cuộc sống, trong lúc cự cãi thì ông V đánh bà O. Tuy nhiên vì thương các con nên bà O vẫn cố gắng chịu đựng để sống chung với ông V. Mặc dù sống chung

với nhau nhưng tình cảm vợ chồng rạn nứt, bà O và ông V dù sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Hơn nữa ông V thường hay cờ bạc, đá gà, gây ra nợ nần, chủ nợ của ông V tìm đến nhà để đòi nợ bà O. Trong khi cuộc sống hàng ngày một mình bà O phải làm lụng vất vả để nuôi các con. Ông V không phụ giúp được bà O phần nào. Nay bà O nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông V nữa nên bà O xin được ly hôn với ông Võ Văn V.

Về con chung: Quá trình chung sống bà O xác định vợ chồng có với nhau 03 người con chung gồm: cháu Đ, sinh ngày 07/9/1997, cháu T, sinh năm 27/7/2009, cháu Y, sinh ngày 16/6/2012. Đối với cháu Đ, sinh ngày 07/9/1997 hiện tại đã trưởng thành nên bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T, sinh năm 27/7/2009 và cháu Y, sinh ngày 16/6/2012 hiện tại các con đang sống cùng với bà O. Khi ly hôn bà O yêu cầu được quyền nuôi cháu T, sinh năm 27/7/2009 và cháu Y, sinh ngày 16/6/2012, bà O không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra bà O không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Võ Văn V trình bày:

Về hôn nhân: Ông V thống nhất với lời trình bày của bà O về thời gian vợ chồng tổ chức đám cưới và chung sống với nhau nhưng đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn. Ông V thừa nhận trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng ông V, bà O cũng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tuy nhiên giữa ông V và bà O không có ly thân với nhau mà vẫn ở chung nhà. Ông V không đồng ý ly hôn với bà O vì xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng không đến mức trầm trong phải ly hôn.

Về con chung: Ông V thống nhất với lời trình bày của bà O quá trình chung sống vợ chồng ông, bà có với nhau 03 người con chung gồm: cháu Đ, sinh ngày 07/9/1997, cháu T, sinh năm 27/7/2009, cháu Y, sinh ngày 16/6/2012. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông V và bà O ly hôn thì ông V có ý kiến: Đối với cháu Đ, sinh ngày 07/9/1997 hiện tại đã trưởng thành nên ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T, sinh năm 27/7/2009 và cháu Y, sinh ngày 16/6/2012 hiện tại các con đang sống cùng với bà O, ông V. Khi ly hôn nguyện vọng của các con muốn ở với ai thì người đó nuôi, nếu các con muốn ở với ông V thì ông V nuôi, ông V không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra ông V không có yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay nguyên đơn, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông Võ Văn V chưa chấp hành đúng quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị O và ông Võ Văn V.

+ Về con chung: Ghi nhận nguyện vọng của cháu T, sinh năm 27/7/2009 và cháu Y, sinh ngày 16/6/2012 muốn được sống chung với mẹ là bà Trần Thị O khi cha mẹ ly hôn. Tiếp tục giao cháu T, sinh năm 27/7/2009 và cháu Y, sinh ngày 16/6/2012 cho bà Trần Thị O nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi vợ chồng ly hôn. Ông V có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Ông V không phải cấp dưỡng nuôi con do bà O không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị O khởi kiện xin ly hôn và nuôi con với bị đơn ông Võ Văn V nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình, đồng thời bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thị O có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Võ Văn V vắng mặt không có lý do mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà O và ông V căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

- *Về nội dung vụ án:*

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị O với ông Võ Văn V, thấy rằng: Bà O và ông V thống nhất xác định ông, bà được hai bên gia đình tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc vào năm 1997 tuy nhiên đến nay ông, bà vẫn không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án ông V và bà O thống nhất xác định hiện tại vợ chồng ông, bà cùng các con vẫn ở chung nhà, ông V và bà O không có ly thân với nhau. Ông V không đồng ý ly hôn với bà O vì ông cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng phải ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù bà O và ông V vẫn sống chung nhà và ông V không đồng ý ly hôn đối với bà O tuy nhiên theo quy định tại khoản 1 Điều 9

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch; Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.*" và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 cũng quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*.

Đồng thời, tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; ..."*

Từ những quy định nêu trên, xét thấy do bà O và ông V không có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định, nay bà O có yêu cầu được ly hôn với ông V nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị O với ông Võ Văn V.

[4] Về quan hệ con chung: Bà O và ông V thống nhất xác định quá trình chung sống vợ chồng ông, bà có với nhau 03 người con chung gồm: cháu Đ, sinh ngày 07/9/1997, cháu T, sinh năm 27/7/2009, cháu Y, sinh ngày 16/6/2012. Đối với cháu Đ, sinh ngày 07/9/1997 hiện tại đã trưởng thành nên ông V, bà O thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T, sinh năm 27/7/2009 và cháu Y, sinh ngày 16/6/2012 khi ly hôn bà O yêu cầu được quyền nuôi cháu T và cháu Y, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi các con. Còn ông V thì có ý kiến trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông ly hôn thì nguyện vọng của các con muốn ở với ai thì người đó nuôi, nếu các con muốn ở với ông V thì ông V nuôi, ông V không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi các con.

Hội đồng xét xử xét thấy, đối với cháu Đ sinh ngày 07/9/1997 đã trưởng thành nên không đặc ra xem xét. Đối với cháu T và cháu Y, tại biên bản ghi nhận ý kiến của cháu T và cháu Y vào cùng ngày 26/10/2021 thì cháu T và cháu Y đều có nguyện vọng muốn được sống cùng với mẹ là bà Trần Thị O khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần nên ghi nhận nguyện vọng của cháu T và cháu Y tiếp tục giao hai cháu cho bà Trần Thị O nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi vợ chồng bà O, ông V ly hôn là phù hợp.

[5] Về quan hệ tài sản: Bà O và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Buộc bà Trần Thị O phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng.

Ông Võ Văn V không phải chịu án phí.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị O và ông Võ Văn V là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận nguyện vọng của cháu T, sinh năm 27/7/2009 và cháu Y, sinh ngày 16/6/2012 muốn được sống chung với mẹ là bà Trần Thị O khi cha mẹ ly hôn.

Tiếp tục giao cháu T, sinh năm 27/7/2009 và cháu Y, sinh ngày 16/6/2012 cho bà Trần Thị O nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi vợ chồng ly hôn.

Ông Võ Văn V có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Ông Võ Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Trần Thị O không yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản: Bà Trần Thị O và ông Võ Văn V không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Trần Thị O phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà O đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005938 ngày 26/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện H (2b);
- CC.THADS huyện H (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh